

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 01 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, ông Nguyễn Xuân Định.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: **Thôn A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Bị đơn: Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **Thôn A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 4 **Trại giam N1.**

Tại phiên tòa: vắng mặt chị **N**, anh **D** (chị **N**, anh **D** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Trần Thị N** trình bày: Chị và anh **Trần Văn D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** ngày 31/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **D** có hành vi giao

cầu với cháu gái ruột của chị và hiện nay anh **D** đang phải chấp hành hình phạt tù về hành vi vi phạm pháp luật này. Hành vi của anh **D** đã ảnh hưởng tới tâm lý, tình cảm giữa chị và anh **D**. Chị đã được Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định cung cấp “Bản tự khai đề ngày 01/12/2023 và “Đơn xin gia hạn xét xử ly hôn” đề ngày 17/12/2023 của anh **Trần Văn D** gửi cho Tòa án. Tuy nhiên chị xác định tình cảm giữa chị và anh **D** không còn, chị không muốn chung sống với một người như anh **D**. Chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và **D**. Đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án để chị sớm ổn định tâm lý, cuộc sống để làm ăn kinh tế.

Về con chung: Chị và anh **Trần Văn D** có 03 con chung là **Trần Thị Ngọc H**, sinh ngày 08/6/2009; **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/2012 và **Trần Duy T**, sinh ngày 10/4/2014. Anh Dũng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng 03 con chung chị đồng ý để cả 03 con chung cho anh **D** nuôi dưỡng vì anh **D** cũng sắp chấp hành xong hình phạt tù. Trong thời gian anh **D** chưa chấp hành xong hình phạt thì chị xin trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho tới khi anh **D** chấp hành xong hình phạt, chị sẽ giao các con chung lại cho anh **D** nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và làm việc trực tiếp với anh **D** tại **trại giam N1**, anh **D** cho biết: Anh và chị **N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** ngày 31/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh mắc sai lầm, đã có hành vi giao cấu với cháu gái ruột của chị **N** và bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử 05 năm 06 tháng tù. Từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị **N**, không muốn ly hôn, mong muốn Tòa án kéo dài thời gian giải quyết vụ án, đợi anh chấp hành xong hình phạt tù, anh sẽ tìm cách thuyết phục chị **N** để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị **N** vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị **N** có 03 con chung là **Trần Thị Ngọc H**, sinh ngày 08/6/2009; **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/2012 và **Trần Duy T**, sinh ngày 10/4/2014. Anh xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của 03 con chung là **Trần Thị Ngọc H**, sinh ngày 08/6/2009; **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/2012 và **Trần Duy T**, sinh ngày

10/4/2014 đều không mong muốn bố mẹ ly hôn nhau và có nguyện vọng được ở cùng cả bố và mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc chị **N** có mặt, anh **D** vắng mặt (có đề nghị vắng mặt). Chị **N** có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **D** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị **N**, anh **D** xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị **N**, anh **D** đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị N**.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của chị **N**, anh **D** giao 03 con chung là **Trần Thị Ngọc H**, sinh ngày 08/6/2009; **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/2012 và **Trần Duy T**, sinh ngày 10/4/2014 cho anh **D** nuôi dưỡng. Trong thời gian anh **D** chưa chấp hành xong hình phạt tạm thời giao 03 con chung cho chị **N** nuôi dưỡng đến khi anh **D** chấp hành xong hình phạt, chị **N** phải giao con chung cho anh **D** nuôi dưỡng. Chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **N**, anh **D** có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị N** và anh **Trần Văn D** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **Ý**, tỉnh **Nam Định**. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **D** không chung thủy với chị **N**. Anh **D1** đã có hành vi giao cấu với cháu gái ruột của chị **N** bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 5 năm 6 tháng tù. Hành vi của anh **D1** đã ảnh hưởng tâm lý, tình cảm giữa vợ chồng, là nguyên nhân chính dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Chị **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **D1**. Về phía anh **D1**, mặc dù muốn được đoàn tụ nhưng chị **N** không thay đổi quan điểm, vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giữ nguyên quan điểm của mình nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **N**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **N** và anh **D1** có 03 con chung là **Trần Thị Ngọc H**, sinh ngày 08/6/2009; **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/2012 và **Trần Duy T**, sinh ngày 10/4/2014. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy anh **D1** có nguyện vọng xin nuôi cả 03 con chung, chị **N** cũng đồng ý nhưng hiện nay anh **D1** đang phải chấp hành hình phạt tù nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh **D1**, chị **N** giao cả 03 con chung cho anh **D1** nuôi dưỡng; trong thời gian anh **D1** chưa chấp hành xong hình phạt tù, tạm thời giao 03

con chung cho chị **N** nuôi dưỡng cho đến khi anh **D1** chấp hành xong hình phạt, chị **N** phải giao con chung cho anh **D1** nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **D1** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **N**, anh **D1** không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị N** và anh **Trần Văn D**.

2. Về con chung: Giao cả 03 con chung là **Trần Thị Ngọc H**, sinh ngày 08/6/2009; **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 10/6/2012 và **Trần Duy T**, sinh ngày 10/4/2014 cho anh **D** nuôi dưỡng. Trong thời gian anh **D** chưa chấp hành xong hình phạt tù, tạm thời giao 03 con chung cho chị **N** nuôi dưỡng cho đến khi anh **D** chấp hành xong hình phạt tù, chị **N** phải giao con chung cho anh **D** nuôi dưỡng. Chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị **Trần Thị N** phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003423, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **N** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Trần Thị N** và anh **Trần Văn D** được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Lương;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích